

TÒA ÁN NHÂN DÂN

HUYỆN NG

TỈNH K

Số: 23/2022/QĐST – HNGĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ng, ngày 19 tháng 7 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 60/2022/TLST – HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2022, giữa;

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị B, sinh năm 1986;

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Qu; sinh năm 1975;

Cùng địa chỉ: Thôn K, xã P, huyện Ng, tỉnh K.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 7 năm 2022;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 7 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Nguyễn Văn Qu với chị Bùi Thị B.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn Qu và chị Bùi Thị B thỏa thuận thuận tình ly hôn. Hôn nhân giữa anh chị chấm dứt kể từ ngày ban hành quyết định này (19-7-2022).

- Về con chung: Chị Bùi Thị B và anh Nguyễn Văn Qu có 01 con chung tên là Nguyễn Bùi Khánh V, sinh ngày 11/01/2021. Chị Bùi Thị B và anh Nguyễn Văn Qu thỏa thuận chị B được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con chung cho đến khi

con đủ 18 tuổi, có khả năng lao động và tự lập được. Anh Qu cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng)/tháng, kể từ tháng 8/2022 đến khi con đủ 18 tuổi trưởng thành và tự lập được. Nếu anh Qu chậm đóng cấp dưỡng nuôi con theo đúng thỏa thuận trên thì phải chịu lãi là 10%/năm/ số tiền chậm đóng cấp dưỡng.

Sau khi ly hôn các bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con; Các bên có quyền thay đổi người nuôi con và yêu cầu mức cấp dưỡng đối với bên không trực tiếp nuôi con theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Về án phí: Căn cứ Điều 144 và khoản 3,4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27, và danh mục án phí của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Anh Nguyễn Văn Qu và chị Bùi Thị B mỗi người phải chịu 75.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, chị Bùi Thị B nhận nộp thay toàn bộ án phí cho anh Qu, nên chị Bùi Thị B phải nộp 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con, để nộp ngân sách Nhà nước. chị Bùi Thị B được chuyển 300.000đ tiền tạm ứng án phí sang tiền án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0002780 ngày 01-7-2022 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Ng, tỉnh K.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 [Luật Thi hành án dân sự](#) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Nguyên đơn; Bị đơn
- VKSND huyện;
- THADS huyện;
- TAND tỉnh;
- UBND xã P -Ng-K (nơi đăng ký kết hôn).
- Lưu HSVA.

THẨM PHÁN

Đã ký

Nguyễn Thị Kim Oanh

